

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 02-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thủy Tiên

*Các Thẩm phán:* Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Bà Quách Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10/11/2020 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 807/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6453/2020/QĐ-PT ngày 21/12/2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 637/2021/QĐ-PT ngày 18/01/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Mã Ngọc H1 – sinh năm 1989

Địa chỉ: 178/7S/4 HG, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H2 – sinh năm 1988

Địa chỉ: 107/58/15 NH, Phường Q quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Lê Văn H2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Mã Ngọc H1 trình bày:

Bà Mã Ngọc H1 và ông Lê Văn H2 tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 02/02/2016 của Ủy ban nhân dân Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới cả hai về chung sống tại Quận T đến tháng 11/2019 thì chuyển về quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sống. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề của cuộc sống dẫn đến hay xảy ra cãi vã, mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không thu được kết quả. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2017. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H1 có đơn xin ly hôn với ông H2 để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyên H – sinh ngày 19/9/2016. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông H2 cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho con chung .

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 khai không có.

Bị đơn ông Lê Văn H2 trình bày:

Về hôn nhân, ông thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu và không thể hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn như xưa, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên ông cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyên H – sinh ngày 19/9/2016 ông H2 yêu cầu được nuôi con, không đồng ý giao con cho bà H1 nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H2 khai không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 807/2020/HNGĐ-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 19, 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Mã Ngọc H1.

- Về hôn nhân: Bà Mã Ngọc H1 và ông Lê Văn H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao trẻ Lê Nguyên H – sinh ngày 19/9/2016 cho bà Mã Ngọc H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H2 có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho con chung. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông H2 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông H2 còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người còn lại.

Bà H1 cùng gia đình không được cản trở ông H2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai khai không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 06/10/2020, bị đơn ông Lê Văn H2 làm đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, giao con chung cho ông H2 nuôi dưỡng.

#### **Tại phiên Tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà Mã Ngọc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị y án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Lê Văn H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông H2 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy quá trình chung sống ông H2 và bà H1 có 01 con chung tên Lê Nguyên H – sinh ngày 19/9/2016. Cả ông H2 và bà H1 đều có nguyện vọng mong muốn được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải xem xét đến lợi ích tốt nhất của con.

Hiện trẻ H đang còn nhỏ, và đang sống với mẹ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ hơn. Nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống và tâm sinh lý của con nên cấp sơ thẩm giao cho bà H1 nuôi con là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H2, y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lê Văn H2 kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung. Xét đơn kháng cáo của ông H2 làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông Lê Văn H2 và bà Mã Ngọc H1 đều thuận tình ly hôn và đương sự không kháng cáo về phần này nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo về việc nuôi con:

Hội đồng xét xử xét thấy đối với con chung, ông Lê Văn H2 và bà Mã Ngọc H1 đều yêu thương con và cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ.

Căn cứ vào lời trình bày và các chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy cả ông H2 và bà H1 đều có việc làm, mức thu nhập và chỗ ở ổn định, đều có điều kiện tốt để đảm bảo cuộc sống cho con. Tuy nhiên, trẻ H hiện đang sống với mẹ và còn nhỏ nên cần được sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ hơn. Hiện tại cháu H được mẹ nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường. Do đó, để tránh cho trẻ không bị xáo trộn cuộc sống và không bị ảnh hưởng đến tâm sinh lý sau khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H2, cần tiếp tục giao trẻ H cho bà H1 nuôi dưỡng.

[4] Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H2, y án sơ thẩm là có cơ sở.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[6] Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H2.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 807/2020/HNGĐ-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mã Ngọc H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Ngọc H1 và ông Lê Văn H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao trẻ Lê Nguyên H – sinh ngày 19/9/2016 cho bà Mã Ngọc H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn H2 có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/tháng cho con chung. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông H2 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông H2 còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người còn lại.

Bà H1 cùng gia đình không được cản trở ông H2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có. Tòa không xét.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Mã Ngọc H1 chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0068096 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Lê Văn H2 chịu. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Văn H2 chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà ông H2 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0068422 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận T, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thủy Tiên**

